

Bản án số: **36/2019/HS-ST**

Ngày: 12/6/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Lại Ngọc S; giới tính: Nam; sinh ngày 24 tháng 10 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 209/149/85 B V, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 268/2 D S, ấp X, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Lại Văn N và bà Nguyễn Thị Lan T; chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/3/2012 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 50/HSST). Chấp hành xong bản án ngày 28/8/2014. Bị bắt, tạm giam ngày 02/02/2019.

(Có mặt).

Bị hại: Bà Lê Bé C, sinh năm 1997.

Nơi cư trú: 232/5/2 V B, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1969

Nơi cư trú: 268/2 D S, ấp X, xã P, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Hồng V, sinh năm 1983

Nơi cư trú: 76 H V, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 08/11/2018, Lại Ngọc S đến nhà bà Lê Bé C tại số 232/5/2 V B, Phường X, Quận 4 để dự đám giỗ. Lúc này, mọi người ngồi trên nền nhà ăn uống và hát Karaoke. S ngồi đối diện bà C thì nhìn thấy phía bên tay phải bà C có 02 điện thoại di động để chồng lên nhau, nên S nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại của bà C đem bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thấy mọi người đã say, S đứng dậy đi ra phía sau lưng bà C rồi dùng tay phải lấy 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng đi vào nhà vệ sinh cất giấu điện thoại vào túi quần bên phải. Sau đó, S đi ra nói với mọi người mình đã say, nên xin đi về sớm. S đi bộ ra đầu hẻm 232 V B, Phường X, Quận 4 đón xe ôm đến tiệm điện thoại di động Đức Thịnh số 76 H V, Phường X, Quận 4 để bán điện thoại. Trên đường đi, S tháo ốp lưng điện thoại thì nhìn thấy bên trong có 01 tờ ngoại tệ mệnh giá 100 Euro nên cất giữ, còn ốp lưng và sim điện thoại S ném xuống đường. Khi đến tiệm điện thoại di động Đức Thịnh, S gặp và đưa cho bà Nguyễn Hồng V xem điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng và hỏi mua được giá bao nhiêu. Thấy màn hình điện thoại có khóa mật khẩu, nên bà V yêu cầu Sang cung cấp mật khẩu thì Sang đề nghị bà V cho ứng trước 5.000.000 đồng rồi về nhà lấy mật khẩu sau đó quay lại thỏa thuận giá mua bán. Bà V đồng ý rồi đưa cho Sang 5.000.000 đồng và giữ lại điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng. Đồng thời, bà V viết cho Sang 01 tờ giấy với nội dung “Tôi có nhận cây If X màu trắng có mật khẩu tôi đưa trước 5.000.000 đồng để về hỏi mật khẩu”. Trên đường về nhà, S nhận được điện thoại của bà C hỏi S có lấy điện thoại không thì S trả lời không lấy, nên bà C yêu cầu S đến nhà bà C. Trên đường đi đến nhà bà C do sợ bị phát hiện nên S cất giấu tờ tiền mệnh giá 100 Euro ở chậu trồng cây trong hẻm 232 V B, Phường 10, Quận 4. Sau đó bà C đưa S đến Công an Phường 10, Quận 4 trình báo sự việc.

Theo Kết luận định giá số 140/KL-HĐĐG ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng, 64Gb, có số Imei: 354839091605272 đã qua sử dụng có trị giá là 16.500.000 đồng; 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 Euro có trị giá là 2.682.500 đồng; 01 ốp lưng bằng nhựa trong và 01 sim số 016XXXXXX46, đã qua sử dụng không xác định được trị giá.

Quá trình điều tra, Lại Ngọc S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đối với vật chứng vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 4 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bà Lê Bé C, bà C đã nhận lại tài sản. Đối với 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 Euro, 01 ốp lưng bằng nhựa trong và 01 sim số 01646065346 không thu hồi được, bà C không yêu cầu bồi thường các tài sản này.

Đối với bà Nguyễn Hồng V là người đã nhận tài sản do S đem đến bán. Quá trình điều tra, bà V đã giao nộp 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Quận 4. Bà V khi nhận 01 điện thoại di

động hiệu Apple, loại Iphone X do S đem đến bán, không biết đây là tài sản do S phạm tội mà có. Đối với số tiền 5.000.000 đồng của bà V đã ứng trước cho S khi nhận điện thoại di động Iphone X, mẹ của S là bà Nguyễn Thị Lan T đã bồi thường số tiền này cho bà V. Bà V đã nhận đủ 5.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm. Đồng thời bà T cũng không có ý kiến gì đối với số tiền đã bồi thường cho bà V.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 1: 352381066817485; số Imei 2: 352381066817493. Điện thoại này là tài sản cá nhân của S; Số tiền 10.900.000 đồng (trong đó 5.000.000 đồng là số tiền S nhận của bà V để bán điện thoại trộm cắp của bà C; 5.900.000 đồng là tiền cá nhân của S).

Tại Bản cáo trạng số 44/CTr-VKS ngày 13/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Lại Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Lại Ngọc S có lời khai phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, bản thân bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, nên xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lại Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên không giải quyết; Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 1: 352381066817485; số Imei 2: 352381066817493 và số tiền 10.900.000 đồng nhưng tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 4, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lại Ngọc S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 08/11/2018, tại nhà số 232/5/2 V B, Phường X, Quận 4, bị cáo S đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng, có trị giá là 16.500.000 đồng và bên trong có 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 Euro có trị giá là 2.682.500 đồng, tổng cộng là 19.182.500 đồng. Hội đồng xét xử xét hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố hành vi phạm tội là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại nên khi lượng hình cần áp dụng các điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 4 đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone X, màu trắng cho bà Lê Bé C, bà C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì. Đối với 01 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá 100 Euro, 01 ốp lưng bằng nhựa trong và 01 sim số 01646065346 không thu hồi được, bà C không yêu cầu bồi thường các tài sản này. Ngoài ra, bà Nguyễn Hồng V đã nhận lại số tiền 5.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Lan T là mẹ bị cáo S bồi thường, bà V không có yêu cầu bồi thường gì thêm và không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 1: 352381066817485; số Imei 2: 352381066817493, xét đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 10.900.000 đồng bao gồm 5.000.000 đồng là số tiền S có được từ việc bán điện thoại do trộm cắp và 5.900.000 đồng là tiền cá nhân của S, Hội đồng xét xử xét đối với 5.000.000 đồng là số tiền bà V đưa cho S khi nhận điện thoại do S đem bán điện thoại trộm cắp của bà Cẩm, nhưng mẹ bị cáo S là bà T đã cho bị cáo để bồi thường số tiền này cho bà V, đồng thời bà T và bà V không có ý kiến gì đối với số tiền này, nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 5.900.000 đồng là tiền cá nhân của S, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lại Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lại Ngọc S 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/02/2019.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Lại Ngọc S 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, số Imei 1: 352381066817485; số Imei 2: 352381066817493.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

Trả lại cho bị cáo Lại Ngọc Sang số tiền là 10.900.000 (mười triệu chín trăm nghìn) đồng.

(Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản tại Kho bạc Nhà nước lập ngày 07/3/2019).

- Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

2. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- CA TP.HCM (PC 53); (2)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (2)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Hồng Loan